VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Kỳ vọng kiểm định lại vùng đỉnh cũ

Lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài tăng cao



Các Luật sửa đổi được Quốc hội thông qua



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- Dữ liệu việc làm tháng 8 của Mỹ tăng mạnh hơn dự báo (tăng 162k việc làm, vượt xa mức dự báo 56k), củng cố kỳ vọng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 9 này (với xác suất là 59,4%, cập nhật vào 4/9, theo CME FedWatch). Lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn dài tăng vọt lên vùng đỉnh nhiều năm và xác suất Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 9 tăng mạnh, trong bối cảnh lạm phát nền chưa cải thiện rõ so với mục tiêu 2% và dòng vốn ồ ạt vào hạ tầng AI tiếp tục đẩy lợi suất dài hạn đi lên.

• Việt Nam

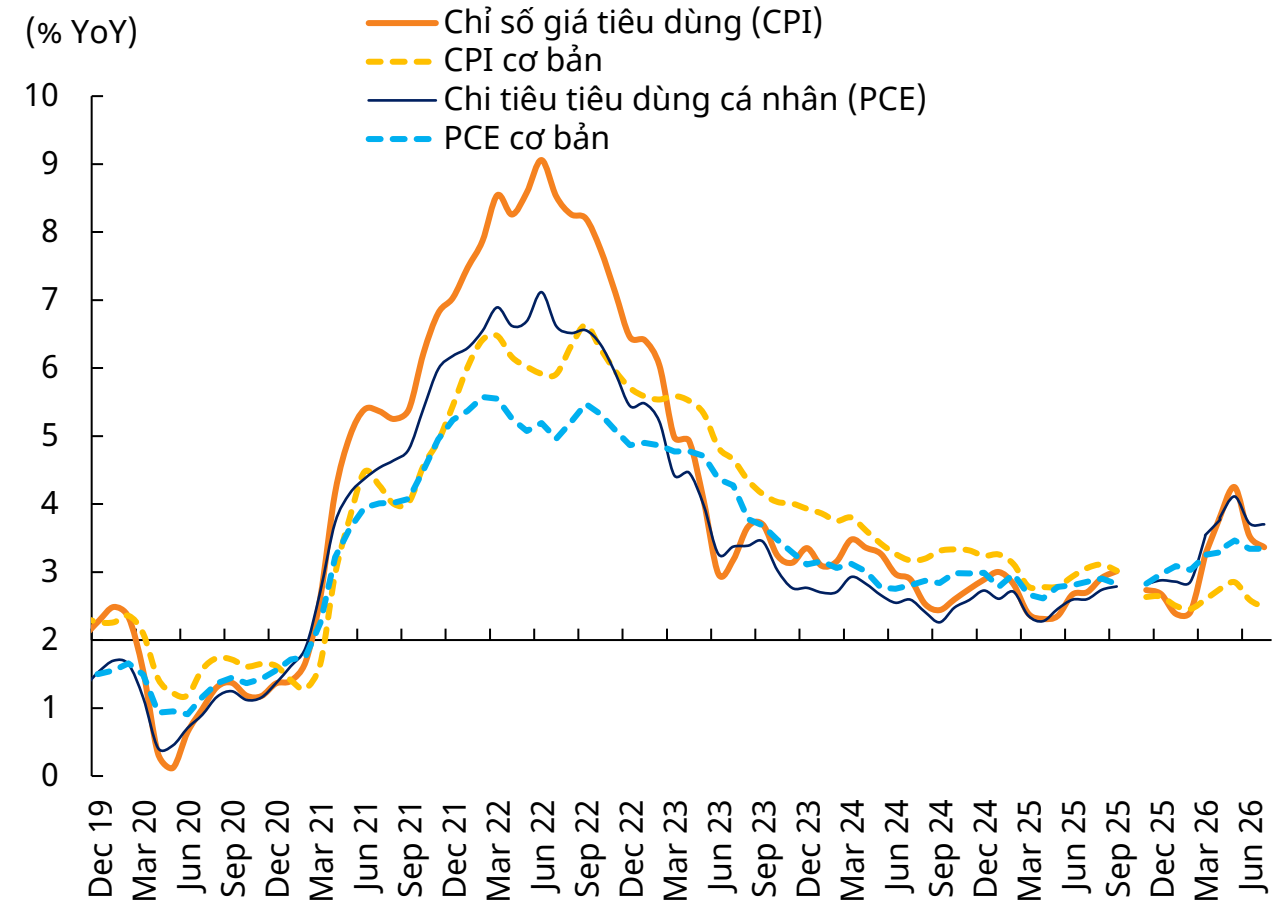
  - **Tiêu điểm tuần**: Quốc hội thông qua một số Luật sửa đổi trong tháng 8/2026 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội

- Chỉ số DXY giảm 0,5% WoW xuống mức 99,2. Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,02% WoW, với tỷ giá bán VCB ngày 4/9 là 26.255. NHNN bơm 10,8 nghìn tỷ đồng qua OMO trong tuần trước tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%. Lãi suất qua đêm ngày 3/9 tăng vọt lên 6,01% (+331bps WoW).
- **VN-Index: 1853,08 (+1% WoW) -** vượt qua ngưỡng kháng cự 1800 điểm, nhờ tâm lý tích cực từ câu chuyện nâng hạng thị trường. Tuy vậy, thanh khoản vẫn ở mức thấp: GTGD bình quân hơn 14 nghìn tỷ/ngày (-9% WoW).
- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp (trên ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 2% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 18%). Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.
- **Những yếu tố cần theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước; 3) Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên thị trường chứng khoán.
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1700-1750. Ngưỡng kháng cự: 1920.**

Bối cảnh toàn cầu: PCE duy trì ở mức cao kéo lợi suất trái phiếu Mỹ tăng vọt

- **Chỉ số PCE toàn phần tháng 7 tăng 0,2% MoM, giữ nguyên mức 3,7% YoY, cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Fed**. Đáng chú ý, tháng 6/2026 ghi nhận mức giảm hiếm gặp (0,1% MoM) nên đà tăng trở lại trong tháng 7 cho thấy mức tăng này mang tính biến động ngắn hạn và chưa phản ánh một xu hướng ổn định.
- **Chỉ số PCE cơ bản giao động quanh mức 3,3–3,4% trong 4 tháng liên tiếp** thể hiện quá trình giảm lạm phát nền đang chững lại rõ rệt sau giai đoạn cải thiện trước.
- Trong khi đó, **dữ liệu việc làm tháng 8 của Mỹ tăng mạnh hơn dự báo** (tăng 162k việc làm, vượt xa mức dự báo 56k), củng cố kỳ vọng Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 9 này.

Mức thay đổi chỉ số PCE và PCE lõi

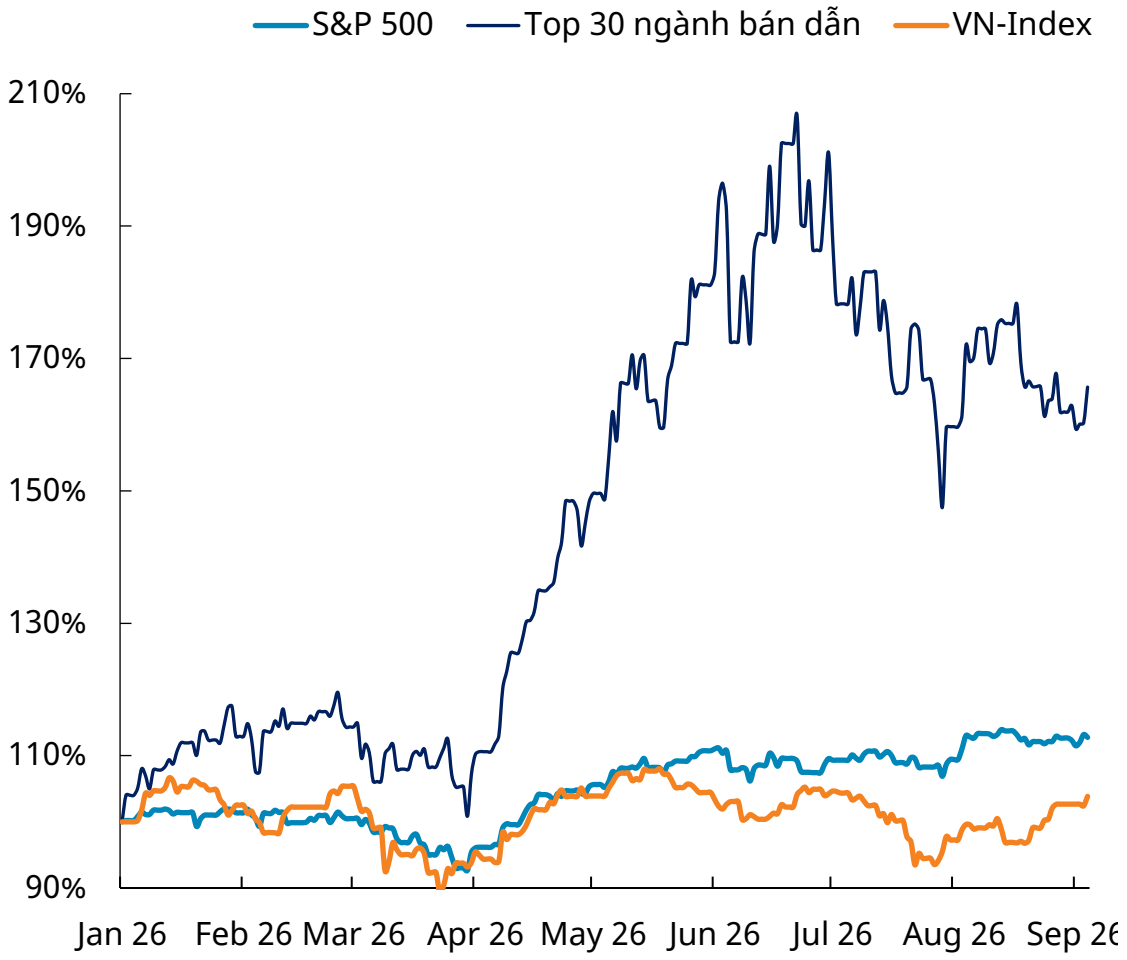


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ BEA. cập nhật tới ngày **28/08/2026**

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu toàn cầu tiếp tục tăng mạnh ở kỳ hạn dài

- **Giữ vững mục tiêu kiểm soát lạm phát**: Tại Jackson Hole, Chủ tịch Fed Kevin Warsh tái khẳng định mục tiêu lạm phát PCE 2% của Fed là "vững chắc", đồng thời cảnh báo việc thắt chặt chính sách hơn nữa vẫn có thể xảy ra nếu lạm phát không tiến về mức mục tiêu một cách "rõ ràng và với tốc độ đủ nhanh".
- **Lợi suất trái phiếu Mỹ tăng vọt ngay sau phát biểu, đặc biệt ở kỳ hạn dài**. Lợi suất kỳ hạn 10 năm vượt mức 4,8% vào ngày 4/9, cao nhất kể từ 2023; lợi suất kỳ hạn 30 năm tiếp tục neo ở vùng cao nhiều năm (chạm mức 5,25% cuối ngày 4/9) giữa bối cảnh các công ty AI đẩy mạnh phát hành nợ và lo ngại thâm hụt tài khóa chính phủ gia tăng.
- **Kỳ vọng thị trường đảo chiều mạnh**: Theo CME FedWatch, xác suất Fed giữ nguyên lãi suất sau Jackson Hole giảm mạnh từ 67% (21/8) xuống chỉ còn 40,6% (cập nhật 4/9), thị trường hiện nghiêng về khả năng Fed tăng lãi suất ngay tại kỳ họp tháng 9 (với xác suất là 59,4%).
- **Chỉ số S&P 500 tăng 0,1% WoW lên 7718,6 điểm, trong khi chỉ số nhóm cổ phiếu ngành bán dẫn giảm nhẹ 1% trong tuần trước.**
- **Sự kiện quan trọng sắp tới**: 1) Chỉ số lạm phát Mỹ; 2) Chỉ số PPI của Mỹ; 3) Cuộc họp lãi suất NHTƯ châu Âu

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

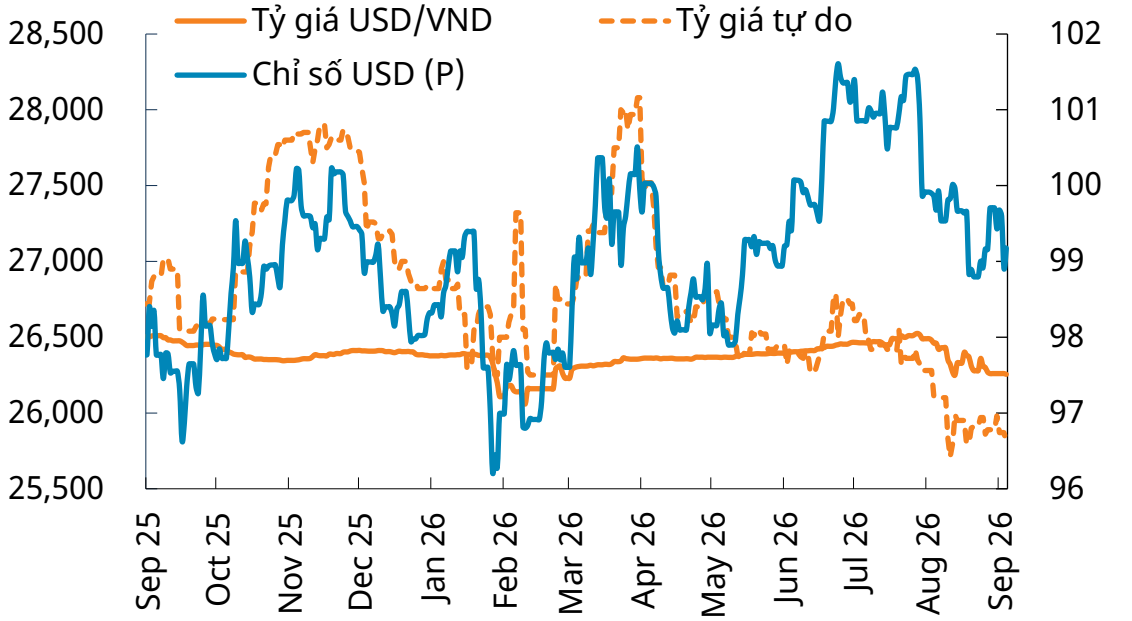


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **04/09/2026**

Áp lực tỷ giá giảm bớt

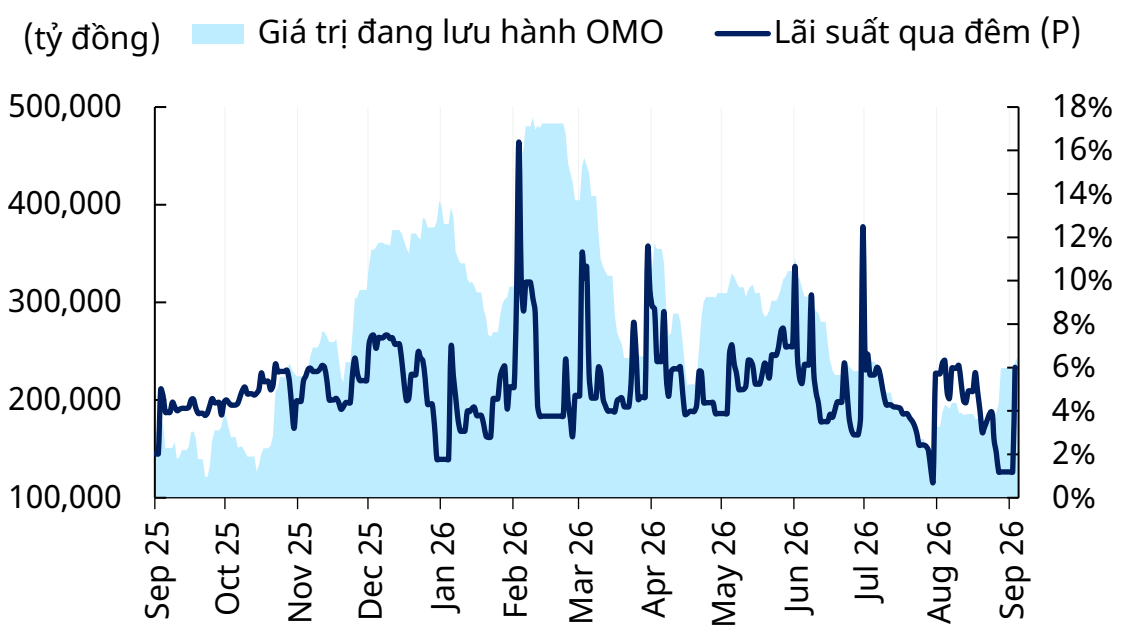
- **Chỉ số DXY giảm 0,5% WoW xuống mức 99,2 (vào ngày 4/9) sau đợt tăng liên tiếp trước đó.**
- **Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,02% WoW**, với tỷ giá bán VCB ngày 4/9 là 26.255 (-0,02% WoW; -0,5% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.810 (-0,3% WoW; -3,8% YTD).
- Trong tuần 1–4/9, NHNN bơm 10,8 nghìn tỷ đồng qua OMO (mua kỳ hạn 7–35 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng tăng 10,8 nghìn tỷ đồng**. Lãi suất qua đêm ngày 4/9 tăng cao lên 6% (+331bps WoW).

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



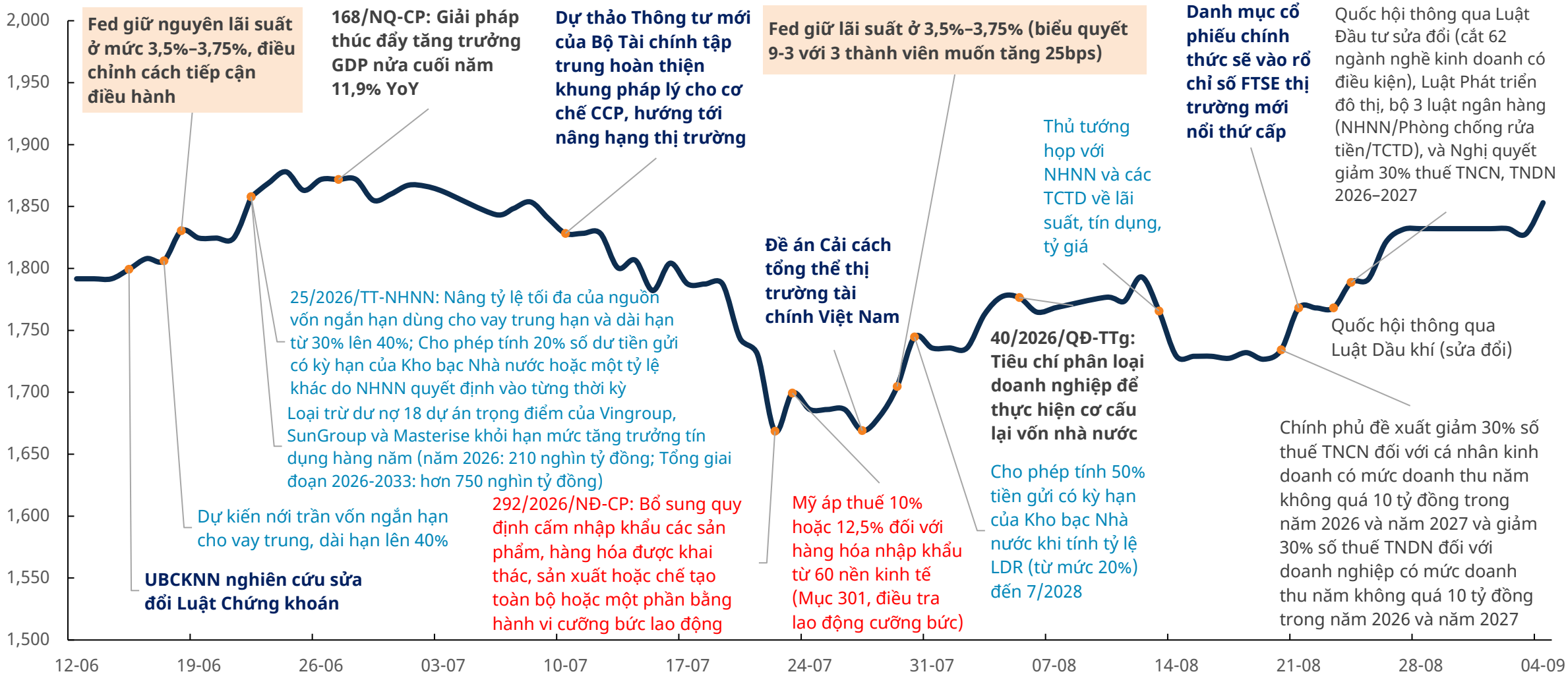
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **04/09/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 04/09/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 03/09/2026**

Quốc hội thông qua loạt các Luật sửa đổi mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, **cập nhật tới 04/09/2026**

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1853,08 (+1% WoW) – Bứt phá gần vùng kháng cự mới

- **Bứt phá dứt khoát qua vùng kháng cự 1800**: Sau giai đoạn tích lũy quanh vùng 1700-1800 trước đó, VN-Index đã chính thức vượt qua ngưỡng kháng cự tâm lý 1800 điểm để đóng cửa tại 1853,08 điểm. Đà tăng gắn liền với câu chuyện nâng hạng thị trường sau khi FTSE Russell công bố danh sách cổ phiếu chính thức vào rổ Global All Cap (21/8), với thời điểm có hiệu lực chuyển đổi từ Frontier sang Secondary Emerging Market là 21/9/2026, tạo hiệu ứng tâm lý tích cực kéo dài trên thị trường.

- **Thanh khoản vẫn ở mức thấp**: GTGD bình quân hơn 14 nghìn tỷ/ngày, giảm 9% so với GTGD bình quân của tuần trước nghỉ lễ, và dòng tiền thu hút vào một số nhóm ngành như Bất động sản, Nguyên vật liệu.

- **Bất động sản:** Nhóm cổ phiếu Vingroup đóng góp 85% cho đà tăng của chỉ số tuần qua (VIC +8,5%, VHM +3%, VRE +1,5% WoW).

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,789**	**100%**	**1%**	**31%**	**-9%**
Bất động sản	3,135	36%	6%	**77%**	8%
Ngân hàng	2,629	30%	-1%	31%	-12%
Tiêu dùng thiết yếu	611	7%	-1%	38%	-2%
Dịch vụ tài chính	519	6%	-2%	15%	-34%
Nguyên vật liệu	442	5%	-1%	**85%**	18%
Tiện ích	343	4%	-1%	54%	-5%
Tiêu dùng không thiết yếu	300	3%	-2%	38%	1%
Vận tải	274	3%	-1%	31%	-14%
Xây dựng cơ bản	248	3%	-2%	8%	-29%
Dầu khí	213	2%	0%	46%	-16%
CNTT	133	2%	-1%	8%	-42%
Bảo hiểm	61	1%	2%	**69%**	-21%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **04/09/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E trên ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn 2% và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 18%. Đây là vùng định giá có xu hướng thu hẹp dần khoảng cách chiết khấu so với trung bình dài hạn nhưng đòi hỏi chọn lọc kỹ hơn ở các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

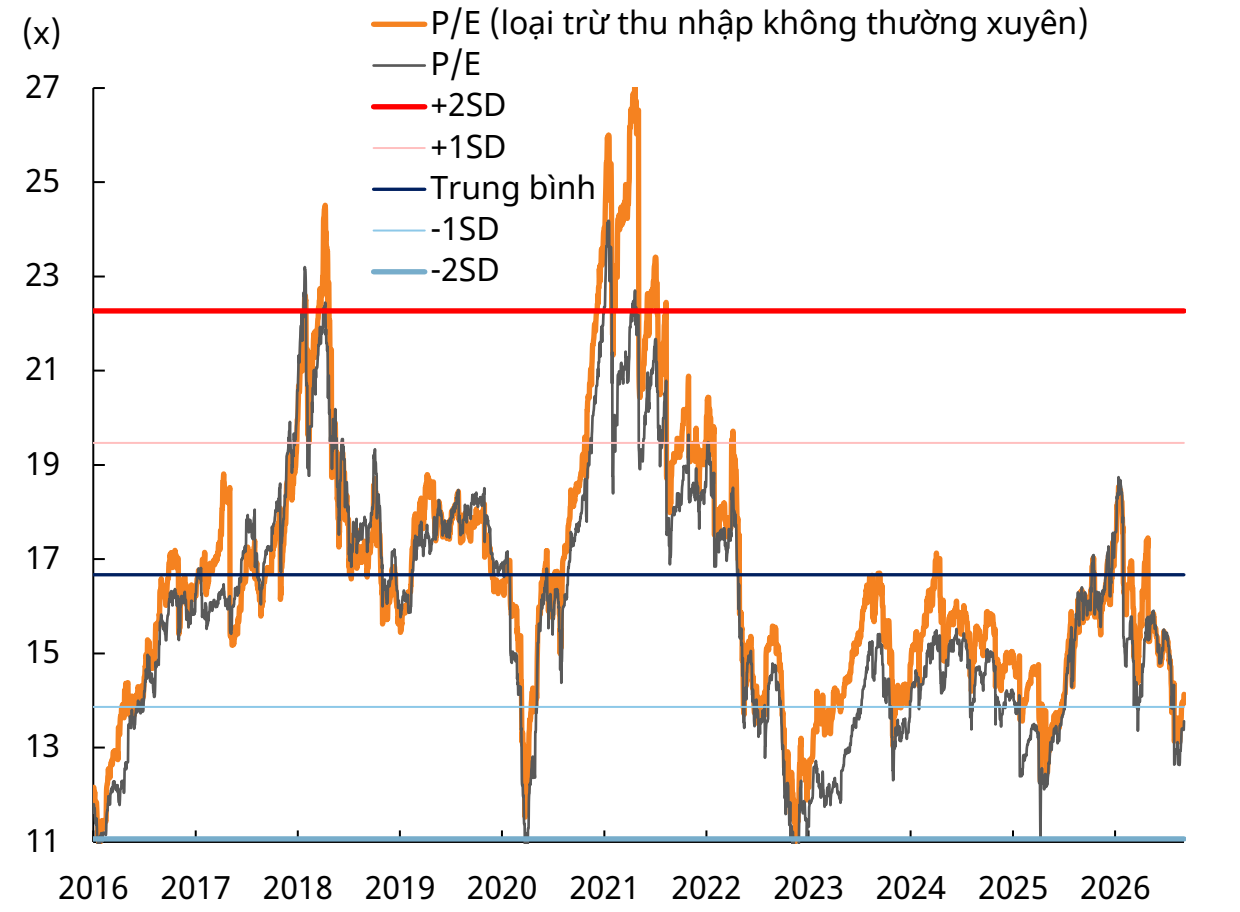
- Nasdaq sẽ hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu cơ hội đầu tư, phương thức huy động vốn quốc tế và các sản phẩm, phân khúc thị trường mới nhằm phát triển thị trường vốn Việt Nam.

- **Những yếu tố cần theo dõi:**

    1) **Rủi ro bên ngoài** về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ (đặc biệt là cuộc họp FOMC tháng 9)

    2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước**. Quốc hội đã thông qua một số luật/nghị quyết quan trọng (23-24/8) cùng chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc nhằm khơi thông nguồn lực khu vực tư nhân, hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **04/09/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,788,594**	**46.0**	**1,853.08**	**1,862.63**	**1,754.48**	**1.4**	**1.1**	**4.3**	**1.2**	**14.1**	**2.0**	**16.1**	**13.2**	**30.8**
VN30 Index		**6,694,660**	**44.4**	**1,984.89**	**1,989.54**	**1,910.97**	**1.2**	**0.1**	**3.0**	**0.1**	**11.8**	**2.0**	**18.1**	**16.0**	**22.9**
VN100 Index		**8,042,083**	**46.9**	**1,894.93**	**1,899.62**	**1,822.62**	**1.1**	**0.2**	**2.9**	**-0.4**	**11.6**	**1.7**	**15.6**	**14.3**	**29.1**
Bất động sản	VIC	1,987,896	30	256,100	260,000	212,400	4.7	8.5	17.5	27.9	91.5	11.4	12.6	3.2	44.9
	VHM	617,755	30	75,200	77,000	73,100	2.5	3.0	**-1.6**	0.3	7.8	2.3	33.1	6.8	43.2
	VPL	138,981	15	77,500	81,200	76,600	1.2	**-0.1**	**-4.6**	**-14.6**	46.4	3.2	7.5	6.4	42.7
	VRE	60,216	40	26,500	27,000	25,050	0.8	1.5	0.4	**-14.8**	8.3	1.2	15.5	11.1	37.9
	BCM	43,781	**4**	42,300	43,500	36,900	**-0.1**	**-2.4**	14.3	**-22.8**	23.1	2.0	8.9	0.3	33.7
	NVL	31,347	55	13,050	13,400	13,000	**-0.8**	0.0	**-2.6**	1.3	7.0	0.6	9.6	4.0	45.0
	KBC	25,522	65	27,100	28,400	26,850	0.2	**-1.1**	**-4.6**	**-9.7**	22.3	1.0	4.7	6.9	42.1
	VPI	22,051	50	68,900	69,400	63,500	0.1	1.2	8.5	14.1	54.8	4.1	7.7	10.3	38.7
	KDH	19,414	65	17,300	18,150	17,250	**-1.7**	**-4.9**	**-3.9**	**-24.1**	11.9	1.0	9.0	24.3	25.7
	DXG	14,964	80	11,800	11,800	10,750	0.0	**-2.5**	8.3	**-8.5**	74.5	1.0	1.4	18.0	32.1
	SJS	17,283	80	58,100	59,200	46,150	**-0.9**	3.4	23.2	18.3	28.3	4.5	17.4	0.6	49.4
	PDR	12,173	60	12,200	12,350	11,900	**-0.4**	**-1.6**	0.8	**-19.2**	19.6	1.0	4.9	7.0	43.0
	TAL	12,373	30	24,550	25,450	23,950	**-0.6**	**-1.4**	**-3.5**	**-16.5**	15.3	2.2	16.2	9.9	39.1
	SIP	11,839	45	48,900	51,200	48,900	**-0.6**	**-1.1**	**-4.1**	**-4.1**	8.7	2.4	27.6	2.4	46.6
	NLG	12,470	80	25,700	25,700	21,750	4.5	5.8	17.6	**-2.1**	20.8	1.0	5.3	37.7	12.3
	TCH	12,241	60	12,200	12,300	10,909	2.1	0.1	9.1	**-9.9**	40.9	1.1	2.9	10.2	40.9
	DIG	8,840	95	11,100	11,300	10,500	**-1.3**	**-2.6**	3.7	**-14.6**	11.4	0.9	8.4	2.6	46.4
	KOS	7,382	40	34,100	35,100	33,200	0.0	0.0	**-1.2**	**-11.8**	275.3	3.1	1.1	0.1	48.9
	HDG	7,122	60	17,500	17,700	16,450	4.8	5.1	5.1	**-16.3**	9.7	1.0	11.3	15.9	34.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **04/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	492,149	11	58,900	60,900	58,600	0.3	-2.0	-1.8	-5.3	11.8	2.0	18.0	20.0	10.0
	BID	283,907	6	36,500	36,700	35,426	0.1	-0.9	2.6	-8.6	8.6	1.5	16.5	17.5	12.5
	CTG	243,882	15	31,400	32,000	31,400	-0.3	-1.7	-1.4	-7.9	6.1	1.2	22.2	24.6	5.4
	TCB	231,011	55	32,600	32,800	29,550	1.6	-2.4	9.9	3.7	8.5	1.3	16.1	20.8	1.7
	VPB	220,563	55	27,800	27,800	25,350	3.2	0.0	8.4	4.9	7.4	1.2	18.3	22.9	7.1
	MBB	190,360	50	20,550	20,850	19,872	-0.2	-2.4	1.7	-0.7	6.6	1.3	22.1	22.2	1.1
	LPB	146,377	90	49,000	53,800	48,450	0.4	-1.9	-8.9	5.5	13.0	3.4	27.0	1.5	3.5
	STB	145,727	95	77,300	77,400	71,900	3.8	2.4	4.3	9.8	23.8	2.3	5.0	10.8	19.2
	HDB	136,144	80	27,200	27,400	25,900	0.0	-2.2	1.9	6.9	6.8	1.6	25.8	21.6	5.4
	ACB	128,858	85	22,200	22,650	22,150	0.0	-2.0	-1.1	-4.4	8.2	1.3	16.8	23.7	6.3
	SHB	64,392	75	12,050	12,100	11,700	0.8	-1.2	2.1	-12.7	4.6	0.7	17.5	3.8	26.2
	SSB	59,833	55	17,450	18,350	15,200	-4.4	2.0	12.9	21.6	20.7	1.4	7.1	0.3	29.7
	VIB	51,230	55	15,050	15,150	14,650	2.4	0.7	1.7	-7.4	6.9	1.1	16.2	3.3	1.7
	MSB	49,234	70	13,150	13,500	13,150	-1.5	-1.5	-2.6	8.5	8.4	1.1	13.9	7.3	22.7
	TPB	40,778	55	14,700	14,800	14,350	1.4	0.3	1.0	-7.8	5.4	0.9	18.0	21.9	8.1
	OCB	32,309	30	10,550	10,950	10,250	-3.2	-4.1	2.4	-1.8	7.3	0.9	12.9	19.5	2.5
	EIB	31,759	80	17,050	18,400	16,900	0.0	-1.4	-6.3	-19.4	64.6	1.2	1.9	1.1	28.9
	NAB	23,779	80	11,550	12,200	11,350	0.9	0.0	-4.5	-4.5	5.1	0.9	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	TCX	112,088	15	40,400	41,000	39,400	2.5	-1.0	-0.6	0.2	17.9	2.4	16.1	8.9	91.1
	VCK	73,413	25	30,150	31,450	29,900	0.5	-1.0	-3.8	-6.4	10.1	2.4	19.3	3.5	96.5
	SSI	62,925	70	21,050	21,200	20,250	0.7	-1.4	2.9	-6.8	12.4	1.6	13.9	30.1	69.9
	VPX	47,438	20	25,300	26,250	25,300	-2.1	-3.6	-2.7	-4.5	10.8	1.4	14.4	4.1	95.9
	HCM	35,639	55	26,400	26,500	24,900	1.3	1.3	5.2	10.3	24.6	2.2	10.7	34.5	14.5
	VIX	36,019	100	14,000	14,200	12,571	-0.4	-0.7	5.8	-17.9	6.8	1.1	15.7	7.4	92.6
	VND	24,890	75	16,350	17,000	16,300	-0.3	-1.8	-3.5	-8.1	9.2	1.2	13.1	8.7	91.3
	VCI	25,695	75	22,300	22,600	21,500	0.2	-2.4	2.1	-8.4	16.0	1.5	9.8	17.0	83.1
	DSE	9,550	35	22,300	22,600	22,100	-1.1	-3.5	-0.4	0.5	34.8	1.8	5.0	10.7	89.4
	EVF	9,393	95	12,350	12,550	12,250	-0.4	-0.4	-1.2	-7.8	10.0	0.9	9.4	0.2	14.8
	FTS	8,557	40	22,450	22,850	21,950	-0.9	-1.3	1.6	-6.8	20.3	1.9	9.7	24.6	75.5
	BSI	7,908	14	29,300	29,550	28,000	0.2	0.3	2.8	-6.2	15.8	1.4	9.3	35.5	64.5
	CTS	6,289	25	23,100	23,850	21,800	-1.3	-0.9	3.8	7.1	16.7	2.2	14.0	0.5	48.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **04/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	48,548	10	65,400	65,400	62,900	2.0	2.2	3.8	-6.6	14.6	1.8	13.3	27.2	21.8
Xây dựng cơ bản	GEE	40,031	14	62,500	70,400	62,500	-1.6	-3.5	-10.7	-39.9	11.2	5.0	47.9	0.8	49.2
	GEX	33,955	70	25,950	26,350	23,200	-0.6	-1.9	4.4	-20.8	24.8	1.7	8.0	6.3	43.7
	REE	28,373	35	45,550	48,350	45,250	0.7	0.0	-5.8	-11.0	10.7	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	17,889	12	39,900	40,400	38,100	0.0	-1.4	4.2	-5.5	12.6	2.1	16.3	0.9	48.1
	BMP	11,706	45	143,000	152,800	143,000	-0.6	-1.2	-4.5	5.8	9.1	4.1	45.4	82.3	17.7
	VCG	10,996	55	15,750	16,200	15,750	-0.3	-1.6	-0.9	-13.7	2.9	1.0	39.3	2.0	47.0
	CII	9,576	95	14,250	14,650	13,750	-2.1	-3.1	2.2	-13.6	97.5	1.0	1.0	3.4	36.6
	CTR	9,685	35	75,600	75,900	73,000	0.1	-1.8	1.7	-7.5	14.8	4.3	30.9	5.7	43.3
	PC1	8,267	60	20,100	21,750	20,000	-0.7	-2.9	-6.5	8.1	8.2	1.2	16.4	8.3	41.7
	CTD	6,922	55	61,900	63,600	61,200	0.5	-1.4	-2.7	-14.1	8.2	0.7	9.2	46.7	3.3
	HHV	5,461	85	9,980	10,350	9,960	-0.2	-0.7	-2.2	-9.7	8.6	0.5	5.8	10.4	38.6
Nguyên vật liệu	HPG	183,213	60	21,700	22,600	21,600	0.5	-1.8	-2.0	-9.4	7.9	1.3	17.4	21.7	27.3
	GVR	126,000	4	31,500	32,100	28,050	-0.6	-2.6	10.5	-10.9	17.5	2.1	12.3	0.6	-0.6
	DCM	17,232	25	32,550	32,700	30,850	-0.2	5.5	5.2	-16.6	7.5	1.5	21.3	4.8	44.2
	DPM	15,502	40	22,800	23,250	22,050	-2.1	3.6	2.7	-9.7	9.4	1.4	15.0	3.6	46.4
	HSG	8,557	70	10,600	11,000	10,600	-0.5	-2.8	-2.3	-12.4	13.0	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	8,374	35	61,800	61,800	59,000	0.8	0.2	3.3	-6.6	9.0	1.8	22.1	11.2	-11.2
	NKG	5,292	75	10,750	11,250	10,700	-0.5	-1.8	-2.7	-12.7	31.8	0.7	2.2	4.8	45.2
	HT1	4,770	25	12,500	13,300	12,400	-0.8	-0.8	-5.3	-7.4	12.3	0.9	7.7	2.2	46.8
Vận tải	VJC	95,752	35	124,500	126,600	124,300	-0.9	-0.4	-1.6	-6.2	43.5	3.6	8.7	6.1	23.9
	GMD	33,011	95	77,400	78,400	76,200	-0.3	-2.6	1.2	1.7	13.7	2.4	18.6	39.3	9.7
	VTP	10,411	40	51,300	52,500	48,300	-1.7	-4.1	5.1	-9.1	32.3	4.5	15.6	3.7	45.4
	VSC	5,204	95	13,900	14,900	13,900	-3.5	-5.4	-6.4	-30.8	15.2	0.9	6.7	1.7	47.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **04/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	107,342	75	73,100	73,600	71,400	-0.1	-2.5	1.4	-6.8	10.9	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,517	55	142,700	143,900	132,100	-0.1	-2.2	7.2	18.0	22.4	5.3	29.7	33.3	15.7
	PNJ	20,494	90	40,050	40,500	34,000	0.6	-4.9	13.0	-38.4	7.1	1.5	21.2	45.4	3.6
	DGW	8,946	55	40,050	41,200	36,850	-2.1	-5.1	1.1	-0.1	10.6	2.4	24.6	24.6	24.4
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	185,652	20	142,000	142,200	135,300	0.0	-0.7	2.9	7.2	26.3	9.8	39.4	15.6	84.4
	VNM	129,368	40	61,900	62,100	59,000	1.1	-0.6	4.0	5.6	13.1	4.1	31.1	49.8	50.2
	MSN	100,766	60	69,000	69,100	67,700	0.0	-1.7	0.9	-6.8	14.9	2.6	19.5	24.1	75.9
	SAB	58,164	11	45,350	45,500	44,250	0.8	-0.5	0.6	-5.1	12.6	3.0	22.6	58.9	41.2
	SBT	20,848	60	23,000	23,000	21,150	0.7	0.7	8.0	13.9	29.4	1.8	6.5	19.7	80.3
	HAG	17,744	50	14,000	14,150	13,950	-1.1	-1.4	-1.1	-9.4	5.2	1.1	26.0	1.8	47.3
	KDC	14,342	45	51,900	52,000	51,000	0.0	0.0	0.0	1.4	30.0	2.4	8.0	13.2	36.8
	BAF	11,875	70	32,550	32,700	30,250	0.2	-0.2	3.2	13.1	119.3	2.7	3.2	3.8	46.2
	VHC	10,996	40	52,500	54,500	52,100	0.8	0.8	-1.9	-9.2	8.0	1.2	15.5	18.1	81.9
	DBC	7,242	70	16,800	17,150	16,450	-1.5	-3.4	1.2	-14.3	6.3	0.8	14.3	1.4	47.6
	PAN	4,800	45	19,150	21,350	18,850	-0.3	-2.0	-9.9	-16.7	3.9	0.9	22.6	21.6	27.4
	ANV	4,513	30	16,950	17,550	16,850	-1.2	-1.5	-2.6	-20.0	5.2	1.2	24.3	2.5	46.5
Dầu khí	BSR	133,945	8	26,750	27,100	24,900	-0.6	0.6	7.0	-7.4	6.7	1.8	30.4	1.1	47.9
	PLX	45,741	10	36,000	36,250	33,200	-0.6	-0.7	7.6	-14.0	14.9	1.8	9.1	14.0	6.0
	PVD	17,813	50	19,200	19,500	18,050	-0.8	0.3	6.1	4.2	18.3	1.0	5.4	8.6	41.4
	PVT	10,442	50	20,200	20,650	18,250	-1.2	0.0	8.0	-0.1	9.3	1.1	15.6	14.4	34.6
Tiện ích	GAS	202,688	5	84,000	84,500	69,200	0.0	-0.2	20.2	-1.4	15.9	2.9	18.4	2.1	47.0
	POW	39,422	20	12,850	14,000	12,800	-0.8	-1.9	-7.6	-6.2	6.5	1.0	16.1	4.1	45.9
	BWE	10,544	25	41,950	43,800	41,600	0.8	-0.8	-4.2	-1.9	10.3	1.6	15.9	2.2	46.8
	NT2	5,887	30	20,450	21,700	20,350	-0.2	-2.4	-4.7	-9.9	4.8	1.2	26.5	9.8	39.2
CNTT	FPT	124,803	85	72,800	73,300	71,300	0.8	-0.5	1.8	-4.3	12.4	3.1	27.3	27.7	21.3
	CMG	5,543	40	23,800	25,700	23,750	-0.8	-2.5	-6.3	-15.8	13.4	1.7	13.4	36.4	13.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **04/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.